

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2018/DS-ST

Ngày: 24 - 4- 2018.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Tâm.

Ông Nguyễn Thanh Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Duy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2017/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2018/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2018/QĐST- DS ngày 02 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Văn Th.

Địa chỉ: khu vực 6, phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Văn Ng. Trú khu vực 4, phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. (Văn bản ủy quyền lập ngày 16/01/2018). Có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Mộng G.

Địa chỉ: ấp 3A, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/7/2017 và quá trình thu thập chứng cứ nguyên đơn ông Phan Văn Th trình bày: ngày 17/9/2015 ông có cho bà Nguyễn Thị Mộng G vay số tiền 364.000.000 đồng. Bà G có làm biên nhận nợ, thỏa thuận thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 6%/tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng từ lúc vay cho đến nay bà G chưa trả vốn, lãi cho ông lần nào. Nay yêu cầu bà G có trách nhiệm trả tiếp cho ông 364.000.000 đồng tiền vốn và phần tiền lãi tính từ lúc vay cho đến nay theo mức lãi suất 1,125%/tháng số tiền tính được là 90.090.000 đồng.

Quá trình thu thập chứng cứ bị đơn chị Nguyễn Thị Mộng G đã được Toà án Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bà G không đến toà nên chưa thể hiện ý kiến.

Tại phiên toà đại diện của nguyên đơn ông Bùi Văn Ng phát biểu có thay đổi so với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trước đây. Cụ thể: ông Ng thừa nhận trước đây bà G có trả cho ông Phan Văn Th 13.000.000 đồng tiền lãi. Bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng G phát biểu: thừa nhận trước đây có vay tiền của ông Phan Văn Th nhiều lần, sau đó chốt lại bà có nợ ông Th 285.000.000 đồng. Riêng phần tiền lãi bà đã trả được 02 tháng, nhưng không nhớ cụ thể số tiền bao nhiêu. Nay bà thống nhất trả tiếp cho ông Th 285.000.000 đồng tiền vốn, không thống nhất trả lãi.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà:

- Về tố tụng. Việc thu thập chứng cứ từ khi thụ lý vụ án của Thẩm phán, mở và điều khiển phiên toà của Hội đồng xét xử tại phiên toà là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Mộng G có trách nhiệm thanh toán cho ông Phan Văn Th số tiền vay còn nợ theo yêu cầu. Buộc bà G nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Toà xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết trong vụ án là ‘tranh chấp hợp đồng vay tài sản’ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết. Bị đơn trong vụ án là bà Nguyễn Thị Mộng G hiện tại có nơi cư trú tại ấp 3A, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh.

[3]. Về số tiền vay gốc. Ông Phan Văn Th kiện cho rằng năm 2015 có cho bà Nguyễn Thị Mộng G vay 364.000.000 đồng, hiện chưa trả. Tại phiên toà bà G thừa nhận có vay, nhưng cho rằng chỉ vay và hiện còn nợ 285.000.000 đồng. Tòa xét thấy: ngày 17/9/2015 ông Th có cho bà Nguyễn Thị Mộng G vay tiền. Việc này tại phiên toà bà G cũng thừa nhận, nhưng số tiền vay và nợ ít hơn số tiền ông Th khởi kiện.

Tuy nhiên căn cứ vào chứng cứ do ông Th cung cấp là tờ “Biên nhận”. Nội dung thể hiện: bà Nguyễn Thị Mộng G có vay của ông Th 364.000.000 đồng, đủ cơ sở để Tòa xác định bà G có vay của ông Th 364.000.000 đồng. Căn cứ Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005, Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng G có trách nhiệm thanh toán 364.000.000 đồng tiền vốn vay cho ông Phan Văn Th. Bà G nại rằng bà chỉ nợ của ông Thảo 285.000.000 đồng tiền vốn vay, nhưng không có chứng cứ chứng minh nên Tòa không chấp nhận.

[4]. Đối với số tiền lãi. Đại diện ông Phan Văn Th yêu cầu bà Nguyễn Thị Mộng G trả số tiền 90.090.000 đồng (tính từ ngày 17/9/2015 đến ngày 21/7/2017 theo mức lãi suất 1,125%/tháng như yêu cầu tại phiên tòa). Bà G không đồng ý. Tòa xét thấy: khi vay, theo biên nhận bà G ghi lãi suất là 6%/tháng. Tuy nhiên thỏa thuận lãi suất này là trái pháp luật, nên khi xét xử Tòa điều chỉnh lại mức lãi suất theo quy định của pháp luật như sau: theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định lãi suất cơ bản trong thời điểm này là 9%/năm, tương đương 0,75%/tháng. Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định lãi suất do các bên thỏa thuận, nhưng không được vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng. Theo quy định này các bên chỉ được thỏa thuận lãi tối đa là 1,125%/tháng. Cụ thể cách tính:

Vốn 364.000.000đ x lãi suất 1.125%/tháng x thời hạn 22 tháng = 90.090.000 đồng. Tại phiên tòa ông Ng thừa nhận trước đây ông Th có nhận 13.000.000 đồng tiền lãi nên phải trừ lại (90.090.000 đồng – 13.000.000 đồng = 77.090.000 đồng).

Như vậy, tổng cộng số tiền vay vốn, lãi buộc bà Nguyễn Thị Mộng G có trách nhiệm thanh toán cho ông Phan Văn Th 441.090.000 đồng. Bà G tại phiên tòa không thống nhất trả lãi là không đúng với thỏa thuận trong hợp đồng và pháp luật, nên Tòa không chấp nhận.

[5]. Về án phí. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bà Nguyễn Thị Mộng G chịu án phí theo mức giá ngạch trên toàn bộ giá trị số tiền bị buộc thanh toán. Ông Phan Văn Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7]. Đối với phát biểu quan điểm về tố tụng và đề nghị về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thống nhất về tố tụng và chấp nhận một phần về đề nghị nội dung tranh chấp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 3 Điều 26; các điều 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự. các điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí kèm theo.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Mộng G có trách nhiệm thanh toán cho ông Phan Văn Th 441.090.000đ (bốn trăm bốn mươi một triệu không trăm chín chục nghìn đồng) tiền vay.

2. Về án phí:

- Buộc bà Nguyễn Thị Mộng G chịu 21.643.500đ (hai mươi một triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Phan Văn Th được nhận lại 11.081.500 đồng, tiền tạm ứng án phí ông Th đã nộp theo biên lai thu số 0012686 ngày 21/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Vị Thanh.
- Chi cục THADS TP. Vị Thanh.
- Các đương sự.
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Võ Thái Sơn